

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **78/2019/DS-PT**

Ngày: 18/3/2019

V/v: tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Kim Cua

Cùng các Thẩm phán: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Cẩm TR – Thư ký

Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ngân –

Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2019/TLPT-DS ngày 14/01/2019 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 128/2018/DS-ST ngày 16/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 37/2019/QĐ-PT ngày 10/02/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1971;

Nơi cư trú: Ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị A là bà Nguyễn Thúy M, sinh năm 1960; nơi cư trú: 175/2 F1 khu phố A, phường B, thành phố C, tỉnh Bến Tre. Có mặt

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy TR, sinh năm 1977;

Nơi cư trú: Ấp V, xã VT, huyện C, tỉnh Bến Tre

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Văn T – Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn T, thuộc đoàn luật sư tỉnh Bến Tre.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thùy TR

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

Người đại theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Vào khoảng tháng 7/2016, bà A có hợp đồng bán cây cóc giống cho bà Nguyễn Thị Thùy TR, cây do bà A tự ươm. Hai bên không có làm hợp đồng bằng văn bản, khi tiến hành mua bán thì bà TR có đặt cọc cho bà A 10.000.000đồng. Bà A đã giao cây cho bà TR 03 lần, tổng cộng: 55.750.000 đồng. Bà TR đã trả tiền cho bà A được 08 lần tổng cộng là 24.000.000 đồng. Hiện nay bà TR còn thiếu bà A số tiền 31.750.000 đồng, mặc dù bà A đã nhiều lần yêu cầu bà TR trả tiền cho bà nhưng bà TR không chịu trả cho đến nay. Vì vậy, nay bà A yêu cầu bà TR có trách nhiệm trả cho bà số tiền là 31.750.000đ (Ba một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy TR là ông Sử Văn Nhã trình bày: Đối với lời trình bày của nguyên đơn thì bà TR không đồng ý. Trước đây bà TR và bà A có hợp đồng mua bán cây giống nhưng những hợp đồng đó đã kết thúc, hai bên đã giao cây và giao tiền đầy đủ, cũng từ đó mối quan hệ giữa hai bên trở nên thân thiết hơn. Đối với việc mua bán cây theo như đơn khởi kiện của bà A là không có, vào thời điểm này cây cóc giống do bà A sản xuất ra không tiêu thụ được nên bà A đến gặp bà TR xin được ký gửi 20.000 cây cóc giống dưới dạng nài, tán nhờ bà TR bán dùm và bà A còn nói “bán được xong rồi tính”, lúc nhận 20.000 cây cóc này không có hóa đơn gì. Cũng trong thời gian này bà TR còn thiếu bà A số tiền 7.500.000đồng nên bà TR đã đưa cho bà A số tiền tạm ứng cho việc ký gửi 20.000 cây cóc là 9.000.000 đồng. Như vậy bà A còn thiếu bà TR 1.500.000đồng. Bà TR thừa nhận Toa hàng của cơ sở sản xuất cây giống - cây công trình Thùy TR do bà A nộp đến Tòa án là do bà TR viết, chữ viết, chữ ký là của bà TR. Nay bà TR không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của bà A, bà TR yêu cầu bà A chở 20.000 cây cóc ra nơi khác khỏi mặt bằng của bà TR, còn nếu bà A không chở cây đi thì bà TR đồng ý mua 20.000 cây cóc với giá là 500đồng/cây, bà TR đồng ý trả tiếp cho bà A số tiền 8.500.000đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 128/2018/DS-ST ngày 16/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách quyết định:

Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 357, 430, 433, 436, 437, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A đối với bà Nguyễn Thị Thùy TR về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”. Buộc bà Nguyễn Thị Thùy TR phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị A số tiền 24.750.000đ (Hai mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Ghi nhận bà A không yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/11/2018 bà Nguyễn Thị Thùy TR kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên Tòa phúc thẩm bà A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, theo đơn xin xét xử vắng mặt của bà TR thì bà TR không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà A và giữ kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Bà TR có đơn yêu cầu xác minh, thu thập chứng cứ giá cây giống cóc Thái và cóc thường vào tháng 7/2016 giá bán cụ thể là bao nhiêu để bà TR trả tiền cho nguyên đơn. Khi mua bán, các bên thỏa thuận là mua bán giống cây cóc Thái nhưng nguyên đơn lại giao giống cây cóc thường cho bà TR. Tại thời điểm tháng 7/2016 giống cây cóc thường có giá bán là 500 đồng/cây chứ không phải là 2.500 đồng/cây như các nguyên đơn trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng theo pháp luật tố tụng. Về nội dung: kháng cáo của bà TR là không có căn cứ, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308, y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; xét kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và ý kiến của

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà A cho rằng đã giao cây cóc giống cho bà TR tổng cộng 03 lần với số tiền 55.750.000 đồng, bà TR đã trả được cho bà A số tiền 24.000.000 đồng, hiện còn lại số tiền 31.750.000 đồng đến nay bà TR vẫn chưa trả nên bà A yêu cầu bà TR trả cho bà số tiền này. Phía bà TR không đồng ý với yêu cầu của bà A vì bà TR cho rằng do không tiêu thụ được nên bà A xin bà TR được ký gửi 20.000 cây cóc giống nhờ bà TR bán giùm.

[2] Trong quá trình cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ các bên đều thừa nhận có mua bán cây giống với nhau. Người đại diện theo ủy quyền của bà TR cũng thừa nhận toa hàng mà bà A giao nộp cho tòa là chữ viết và chữ ký của bà TR. Xét chứng cứ là “toa hàng cơ sở sản xuất cây giống – cây công trình Thùy TR” do bà A giao nộp thể hiện nội dung ghi rõ tên hàng là “cóc”, số lượng, đơn giá, thành tiền. Ở toa hàng ghi ở dòng cuối cùng của mặt sau số tiền bà TR còn nợ lại là 7.750.000 đồng. Đối với toa hàng ghi mặt trước với nội dung bà A bán tiếp cho bà TR 20.000 cây, mặc dù ở mục đơn giá ghi số 2 nhưng thực tế giữa hai bên mua bán cây cóc giống với giá 2000 đồng đến 2500 đồng mỗi cây nên có cơ sở để xác định số tiền bán 20.000 cây cóc giống là 40.000.000 đồng; tiếp theo ghi “đưa 12.000.000” có nghĩa là trả 12.000.000 đồng; tiếp theo ghi “đ1 tiền cũ còn 7.500.000 đồng” có nghĩa là số tiền cũ còn lại chưa trả là 7.500.000 đồng (nhưng thực tế theo Toa hàng trước (toa hàng ghi ở mặt sau) số tiền còn nợ lại là 7.750.000 đồng chứ không phải 7.500.000 đồng; tiếp theo ghi “đưa 1.000.000 đồng, đưa 30.000.000 cọc 3 chỉ”. Bà A đã nhận của bà TR 10.000.000 đồng tiền cọc. Như vậy, số tiền bà TR còn nợ bà A là $40.000.000 - 12.000.000 - 7.750.000 - 1.000.000 - 10.000.000$ (tiền cọc) = 24.750.000 đồng.

[3] Xét lời trình bày của phía bị đơn nhận thấy, ông Nhã cho rằng bà A đến gặp bà TR xin được ký gửi 20.000 cây cóc giống dưới dạng nài, tấn nhờ bà TR bán dùm, bà TR có tạm ứng cho bà A 9.000.000 đồng. Tuy nhiên ông Nhã không có chứng cứ gì chứng minh và phía bà A cũng không thừa nhận nên lời trình bày này của ông Nhã là không có căn cứ chấp nhận. Trong khi đó, tờ toa hàng do chính bà TR ghi cho nguyên đơn là nguyên đơn đã giao cây cóc giống cho bị đơn, bị đơn đã xác nhận số lượng cây, giá cây, thành tiền nên quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm là không có căn cứ.

[4] Bản án sơ thẩm tuyên buộc bà TR phải trả cho bà A số tiền 24.750.000 đồng là phù hợp. Do đó, kháng cáo của bà TR không được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Viện kiểm sát.

Kháng cáo của bà TR được chấp nhận nên bà TR phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1, Điều 308, Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thùy TR, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 128/2018/DS-ST ngày 16/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

Căn cứ vào Điều 357, 430, 433, 436, 437, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Tuyên xử:

1/. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A đối với bà Nguyễn Thị Thùy TR về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị Thùy TR phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị A số tiền 24.750.000đ (Hai mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Ghi nhận bà A không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thùy TR phải có trách nhiệm chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.237.500đ (Một triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Bà Nguyễn Thị A phải có trách nhiệm chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 350.000đ (Ba trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà A đã nộp là 793.750đ (Bảy trăm chín mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0023844 ngày 18 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre. Bà A được

hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 443.750đ (Bốn trăm bốn mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

3/. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thùy TR phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0020299 ngày 08/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C là đủ.

Trường hợp quyết định, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Chợ Lách;
- Chi cục THADS huyện Chợ Lách;
- Phòng GĐKT;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Kim Cửa

Các thẩm phán

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Phạm Kim Củng

Nguyễn Kim Tư

Nguyễn Thị Ngọc Hương